

DANH SÁCH CÁC MÔN HỌC KHỐI KTBS KHÔNG MỞ HK1/2015-2016

(Kèm theo công văn số /ĐHBK-ĐTSDH ngày / 11 / 2015)

STT	Mã MH	Tên MH	Số lượng đăng ký	CBGD	Khoa
1	024009	Kỹ thuật Thủy lực và Khí nén	2	TS. TRẦN NGUYỄN DUY PHƯƠNG	Khoa Cơ khí
2	024029	Kỹ thuật chế tạo 2	2	PGS.TS TRẦN DOÃN SƠN	Khoa Cơ khí
3	024027	Kỹ thuật thủy lực - khí nén	0	TS. TRẦN NGUYỄN DUY PHƯƠNG	Khoa Cơ khí
4	024002	Kỹ thuật điều khiển tự động	1	TS. PHẠM CÔNG BẰNG	Khoa Cơ khí
5	024011	Thiết kế Hệ thống Cơ điện tử	3	PGS.TS NGUYỄN TẤN TIẾN	Khoa Cơ khí
6	024008	Động lực học và điều khiển	4	TS. VÕ TƯỜNG QUÂN	Khoa Cơ khí
7	024028	Vật liệu học và xử lý	0	TS. LƯƠNG HỒNG ĐỨC	Khoa Cơ khí
8	024007	Chi tiết máy	2	PGS.TS BÙI TRỌNG HIẾU	Khoa Cơ khí
9	024001	Nguyên lý máy	1	THS. VŨ NHƯ PHAN THIỆN	Khoa Cơ khí
10	064021	Công nghệ lên men	3	TS. HOÀNG ANH HOÀNG	Khoa Kỹ thuật Hóa học
11	064020	Hóa sinh học	3	TS. HUỖNH NGỌC OANH	Khoa Kỹ thuật Hóa học
12	064019	Sinh học tế bào	3	PGS.TS LÊ THỊ THỦY TIẾN	Khoa Kỹ thuật Hóa học
13	064024	Thí nghiệm Hóa sinh	0	TS. HUỖNH NGỌC OANH	Khoa Kỹ thuật Hóa học
14	064023	Thí nghiệm Vi sinh	2	PGS.TS NGUYỄN THÚY HƯƠNG	Khoa Kỹ thuật Hóa học
15	084044	Kết cấu bê tông 1	3	TS. HỒ ĐỨC DUY	Khoa Kỹ thuật Xây dựng
16	084031	Kết cấu bê tông 2	1	THS. NGUYỄN QUỐC THÔNG	Khoa Kỹ thuật Xây dựng
17	044003	Điện tử công suất	4	TS. NGUYỄN ĐÌNH TUYẾN	Khoa Điện - Điện tử
18	044002	Giải tích máy điện	4	TS. NGUYỄN NGỌC TÚ	Khoa Điện - Điện tử
19	044015	Anten – Truyền sóng	1	TS. TRỊNH XUÂN DŨNG	Khoa Điện - Điện tử
20	044017	Hệ thống Viễn thông	1	PGS.TS HỒ VĂN KHƯƠNG	Khoa Điện - Điện tử
21	044014	Kỹ thuật siêu cao tần	1	TS. HUỖNH PHÚ MINH CƯỜNG	Khoa Điện - Điện tử
22	044013	Mạch điện tử thông tin	1	TS. ĐỖ HỒNG TUẤN	Khoa Điện - Điện tử
23	044018	Thông tin di động	2	TS. HÀ HOÀNG KHA	Khoa Điện - Điện tử
24	044016	Xử lý số tín hiệu	2	TS. CHÉ VIẾT NHẬT ANH	Khoa Điện - Điện tử
25	044028	Hệ thống điều khiển nhúng	4	TS. NGUYỄN VĨNH HẢO	Khoa Điện - Điện tử

STT	Mã MH	Tên MH	Số lượng đăng ký	CBGD	Khoa
26	054001	Trí tuệ nhân tạo	3	THS. VƯƠNG BÁ THỊNH	Khoa Khoa học và Kỹ thuật Máy tính
27	054003	Nguyên lý Ngôn ngữ lập trình	4	TS. NGUYỄN HỨA PHÙNG	Khoa Khoa học và Kỹ thuật Máy tính
28	054004	Phân tích thiết kế giải thuật	1	PGS.TS DƯƠNG TUẤN ANH	Khoa Khoa học và Kỹ thuật Máy tính
29	104028	Kỹ thuật xử lý nước thải	4	TS. NGUYỄN XUÂN DƯƠNG	Khoa Môi trường và Tài nguyên
30	104033	Hóa kỹ thuật môi trường 1 + Thí nghiệm	0	PGS.TS NGUYỄN PHƯỚC DÂN	Khoa Môi trường và Tài nguyên
31	104015	Các quá trình hóa học và hóa lý trong kỹ thuật MT	0	PGS.TS NGUYỄN THỂ VINH	Khoa Môi trường và Tài nguyên
32	104023	Kỹ thuật thông gió và kiểm soát tiếng ồn	0	THS. PHAN XUÂN THANH	Khoa Môi trường và Tài nguyên
33	104016	Các quá trình sinh học trong kỹ thuật môi trường	0	PGS.TS BÙI XUÂN THÀNH	Khoa Môi trường và Tài nguyên
34	104029	Kỹ thuật xử lý chất thải rắn	1	PGS.TS NGUYỄN TẤN PHONG	Khoa Môi trường và Tài nguyên
35	124009	Cơ sở lý sinh	1	TS. TRẦN HY BÌNH	Khoa Khoa học ứng dụng